

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/DS-ST.
Ngày: 05-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**
- *Các Hội thẩm nhân dân*

Ông Nguyễn Văn Tân

Ông Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thuận Phát** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST – DS ngày 03/4/2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2023/QĐXXST – DS ngày 02/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị C** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

Bà C ủy quyền cho chị Phạm Thị D, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2022.

Địa chỉ liên hệ: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn T** (vắng mặt)

Bà Lê Thị Ngọc H (Diệu) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng như đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày như sau:

Vào năm 2016, bà C có bán thức ăn cho vợ chồng bà Lê Thị Ngọc H (tên thường gọi là D) và ông Nguyễn T theo hình thức gởi đầu cứ bán một lượt heo thì bà H và ông T sẽ trả nợ cho bà C một lần, khi giao thức ăn đến nhà bà H, ông T thì bà C có ghi lại trong sổ theo dõi thức ăn, mỗi lần bà H và ông T trả nợ và tổng kết nợ lại thì bà H có ký tên vào sổ.

Tuy nhiên, theo thỏa thuận mỗi lần bán heo thì bà H và ông T sẽ phải trả cho bà C hết nợ nhưng đến ngày 16/11/2016 thì bà H và ông T không mua thức ăn của bà C nữa và bà H, ông T vẫn nợ lại tiền thức ăn của bà C tổng số tiền 127.295.000 đồng, bà C có nhiều lần yêu cầu bà H và ông T trả tiền cho bà C nhưng cứ hẹn vào ngày 30/9/2020 âm lịch tức ngày 15/11/2020 dương lịch thì bà H, ông T có ký công nợ thừa nhận còn nợ của bà C số tiền là 127.295.000 đồng và hứa sẽ trả dần cho bà C theo từng tháng, có ít trả ít có nhiều trả tiền cho bà C, bà C cũng đã nhiều lần yêu cầu chỗ ông T và bà H phải trả nợ cho bà C nhưng ông T, bà H vẫn cứ hứa hẹn cho qua lẽ chứ không thực hiện việc trả nợ.

Nay bà Trương Thị C yêu cầu buộc ông Nguyễn T và bà Lê Thị Ngọc H (D) trả cho bà C số tiền còn nợ thức ăn số tiền 127.295.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật và tính lãi suất từ ngày làm biên nhận nợ 30/9/2020 âm lịch (nhằm 15/11/2020 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2023 là 33 tháng 21 ngày x 0,83%/tháng với số tiền lãi tính tròn là 35.605.000 đồng.

- Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định. Đối với đương sự vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả tiền nợ thức ăn còn thiếu với số tiền là 127.295.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày làm biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2023 là 33 tháng 21 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng là 35.605.000 đồng. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục:** tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị Ngọc H, ông Nguyễn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng: Vào năm 2016, bà C có bán thức ăn cho vợ chồng bà Lê Thị Ngọc H (tên thường gọi là D) và ông Nguyễn T theo hình thức gởi đầu cứ bán một lượt heo thì bà H và ông T sẽ trả nợ cho bà C một lần, khi giao thức ăn đến nhà bà H, ông T thì bà C có ghi lại trong sổ theo dõi thức ăn, mỗi lần bà H và ông T trả nợ và tổng kết nợ lại thì bà H có ký tên vào sổ theo dõi của bà C. Theo thỏa thuận mỗi lần bán heo thì bà H và T sẽ phải trả cho bà C hết nợ nhưng đến ngày 16/11/2016 thì bà H và ông T không mua thức ăn của bà C nữa và bà H, ông T vẫn nợ lại tiền thức ăn của bà C tổng số tiền 127.295.000 đồng. Đến ngày 30/9/2020 âm lịch tức ngày 15/11/2020 dương lịch) thì bà H, ông T có ký công nợ thừa nhận còn nợ bà C số tiền là 127.295.000 đồng và hứa sẽ trả dần cho bà C theo từng tháng nhưng phía vợ chồng bà H, ông T vẫn không thực hiện việc trả nợ nên phía bà C yêu cầu ông Nguyễn T và bà Lê Thị Ngọc H (D) trả số tiền mua thức ăn là 127.295.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì phía bà C có cung cấp 02 tờ biên nhận nợ có chữ ký và ghi họ tên của bà Lê Thị Ngọc H (D) và Nguyễn Thanh thừa n nợ. Phía bị đơn từ khi thụ lý cho đến nay không có ý kiến gì về việc bà C khởi kiện. Theo biên bản xác minh ông Lâm Văn T1 là ông nội của bà H nhà ở cặp bên nhà của bà H cho rằng bà H có nhờ ông nhận giấy tờ của Tòa án dùm và cho bà H biết việc Tòa án có gởi các thủ tục cho bà H nhưng ký tên nhận giấy tờ thì ông không đồng ý ký nhận, cũng như theo xác nhận của địa phương thì bà H, ông T đúng là địa chỉ cư trú là ở ấp V, xã V hiện bà H, ông T còn căn nhà ở địa phương nhưng đi làm ăn cũng có về địa phương sau đó đi nữa chứ không có cắt khẩu và không có bỏ địa phương đi luôn. Như vậy, có cơ sở xác định bà H, ông T biết việc bà C khởi kiện nhưng vắng mặt không có ý kiến phản đối việc bà C khởi kiện. Vì vậy, căn cứ vào biên nhận do nguyên đơn cung cấp có sự thừa nhận nợ của bị đơn thì việc nguyên đơn và bị đơn có mua bán với nhau và bị đơn còn thiếu tiền thức ăn chưa trả là có xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, sau khi thừa nhận đến nay phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên việc bà C yêu cầu vợ chồng bà H, ông T liên đới trả số tiền mua thức ăn còn thiếu với số tiền 127.295.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên chấp nhận. Buộc bà Lê Thị Ngọc H (D) và ông Nguyễn T có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị C số tiền 127.295.000 đồng tiền mua thức ăn còn thiếu.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn từ ngày 30/9/2020 âm lịch nhằm ngày 15/11/2020 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (05/9/2023) với mức lãi suất 0,83%/tháng x 33 tháng 21 ngày với số tiền là 35.605.000 đồng thì thấy rằng vào ngày 30/9/2020 âm lịch nhằm 15/11/2020 (dương lịch) bà H, ông T có ký tên thừa nhận số nợ trên của bà C và hứa trả nợ nhưng từ khi nhận nợ đến nay phía bà H, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà C nên việc bà C yêu cầu vợ chồng bà H, ông T trả lãi suất 0,83%/ tháng từ ngày 15/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2023 với số tiền là 35.605.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự nghĩ nên chấp nhận. Buộc bà Lê Thị Ngọc H (D), ông Nguyễn Thanh t cho bà Trương Thị C số tiền lãi chậm trả nợ với số tiền là 35.605.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà Lê Ngọc H (D)

và ông Nguyễn T có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị C là 162.900.000 đồng (trong đó tiền nợ còn thiếu 127.295.000 đồng và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 35.605.000 đồng).

[3] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc H (D), ông Nguyễn Thanh c chịu 8.145.000 đồng (162.900.000 đồng x 5%) tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 và danh mục lệ phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Trương Thị C được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.365.000 đồng theo biên lai thu số 0006483 ngày 31/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 261, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.
- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị C về việc đòi ông Nguyễn T và bà Lê Thị Ngọc H (D) trả số tiền 162.900.000 đồng đồng. (Một trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm ngàn đồng).

Buộc bà Lê Thị Ngọc H (D), ông Nguyễn T có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị C số tiền số tiền 162.900.000 đồng. (Một trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc H (D), ông Nguyễn Thanh c chịu 8.145.000 đồng (162.900.000 đồng x 5%) tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 và danh mục lệ phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Trương Thị C được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là

6.365.000 đồng theo biên lai thu số 0006483 ngày 31/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh